

ĐIỀU TRA GIÁ TRỊ VỀ DÂN CHỦ VÀ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Phạm Minh Hạc*

Phạm Thành Nghị**

I. DÂN CHỦ VÀ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

1. Dân chủ và thị trường là hai thành tựu nổi bật của văn minh nhân loại, đặc biệt trong thế kỷ 20, và trở thành hai động lực quan trọng gắn bó với nhau đưa thế giới đạt tới tiến bộ như ngày nay, có người đã tổng kết: “Dân chủ và thị trường như hai bánh của một cỗ xe ngựa...” (Kim Dae-jung, 2001). Đây cũng là hai chủ đề của nhiều cuộc hội thảo, nhiều cuốn chuyên khảo, bài viết. Tháng hai năm 1999 tại Seoul đã diễn ra cuộc hội thảo về “Dân chủ, kinh tế thị trường và phát triển”. Mới chỉ cách đây ba tháng, vào tháng 12 năm 2003, tại Đài Bắc đã diễn ra cuộc thảo “Đông Á nhìn dân chủ như thế nào: Khu vực trong triển vọng toàn cầu”. Và hôm nay, tại đây, chúng ta tiến hành cuộc hội thảo cũng về chủ đề này. Chúng tôi tin rằng cuộc hội thảo của chúng ta sẽ đóng góp nhất định vào quá trình dân chủ hoá và phát triển thị trường trong khu vực. Có thể nói rằng dân chủ và thị trường là hai vấn đề nổi cộm đang rất được quan tâm ở các nước Đông Á và Đông Nam Á và “chủ nghĩa độc đoán vẫn còn là sự cạnh tranh ở Đông Á” (Yun-han Chu, Yu-tzung Chang, Hu Fu, 2003). Cùng với hoà bình, chủ quyền, độc lập dân tộc, môi trường bền vững, lý tưởng dân chủ đang trở thành giá trị ưu tiên của thời đại chúng ta. Dân chủ hoá và phát triển thị trường là hai xu thế lớn, bao trùm sự phát triển của hầu hết các nước đang phát triển trên toàn thế giới, trong

đó có Việt Nam. Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ ý kiến cho rằng “sự tiến hoá lâu dài của các cuộc đổi mới chính trị và kinh tế ở Đông Á sẽ gắn kết với sự ủng hộ của công dân đối với các hệ thống chính trị và kinh tế này” và “tiến trình phát triển của khu vực sẽ đi theo hướng củng cố nền dân chủ và kinh tế thị trường” (Dalton & Shin, 2004).

2. Thời đại dân chủ ở Việt Nam bắt đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc cách mạng giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân, lập ra nền dân chủ cộng hoà đầu tiên với Hiến pháp được Quốc hội thông qua khẳng định tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam. Trong Tuyên ngôn Độc lập Hồ Chủ Tịch đọc ngày 2 tháng 9 năm 1945, có đoạn đoạn trích từ Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “...tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được. Trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Đó là lý tưởng dân chủ mà nhân dân Việt Nam theo đuổi trong suốt hơn nửa thế kỷ qua và chính là động lực cực kỳ quan trọng tạo nên lịch sử dân tộc trong nửa thứ hai của thế kỷ XX. Lý tưởng đó đã được thể hiện trong Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp sửa đổi các năm 1959, 1980, 1992. Hiến pháp đang hiện hành (1992) có 33 điều (từ điều 49 đến điều 82) quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có quyền bầu cử, ứng cử, tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được thông tin, tự do tín ngưỡng, tôn giáo v.v. Hiến pháp cũng quy định Nhà nước Việt Nam là “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”.

Bước vào thế kỷ XXI, quá trình dân chủ

* GS.VS., Viện Nghiên cứu Con người.

** PGS. TS., Viện Nghiên cứu Con người.

(¹) Bài viết đã trình bày tại Hội thảo “Citizens, Democracy and Markets around the Pacific Rim”, East West Center, Honolulu, Hawaii, 18-19 tháng 3-2004.

hoá được tăng cường rõ rệt. Nếu từ năm 1991, khẩu hiệu của cả nước là phấn đấu vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”, thì từ năm 2001, khẩu hiệu đó là: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đã có nhiều hình thái công khai, minh bạch được thực hiện; việc sửa đổi luật bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp xã, huyện, tỉnh đã được Quốc hội thông qua theo hướng mở rộng dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền. Đặc biệt phải kể đến việc Chính phủ Việt Nam ban hành các Nghị định số 29 (tháng 5 năm 1998), số 71 (tháng 9 năm 1998) và số 12 (tháng 4 năm 1999) về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở (xã, cơ quan, doanh nghiệp), nhằm khắc phục tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân. Các văn bản này quy định rõ: (1) những việc chính quyền các cấp cần thông báo để nhân dân biết; (2) những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; (3) những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến; (4) những việc nhân dân giám sát, kiểm tra. Tổng kết 5 năm thực hiện các nghị định nói trên cho thấy tất cả các xã, phường trong toàn quốc đã đánh giá các văn bản này đã mang lại một luồng sinh khí mới, nâng cao thêm một bước ý thức dân chủ của đại bộ phận nhân dân, mở rộng dân chủ tham gia, đánh dấu một mốc quan trọng trên con đường dân chủ hoá, tăng thêm vốn xã hội, “thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở các xã” (Đặng Xuân Kỳ, 2004), thúc đẩy xây dựng xã hội công dân, khẳng định dân chủ thực sự là một thành tố cực kỳ quan trọng của sự phát triển đất nước, góp phần to lớn vào ổn định chính trị - xã hội, tăng trưởng kinh tế.

3. Việt Nam chuẩn bị phát triển kinh tế thị trường từ năm 1986, còn là nước nghèo, kinh tế - kỹ thuật lạc hậu, cơ cấu kinh tế với 22,2% nông nghiệp, 39,0% công nghiệp và 38,8% dịch vụ, trình độ xã hội còn thấp lại bị nhiều cuộc chiến tranh kéo dài tàn phá nặng nề. Thêm vào đó phải gánh chịu hậu quả của bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí và mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp. Đến năm 1991 mới khẳng định sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hoá và thị trường, chuyển nền kinh tế sang kinh tế hàng

hoá nhiều thành phần, có nhiều hình thức sở hữu, tuân thủ quy luật giá trị, tự do hoá giá cả, coi trọng cả lợi ích cá nhân lẫn lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, coi văn hoá và con người vừa là động lực vừa là mục tiêu của phát triển kinh tế - xã hội. Bước sang thế kỷ XXI, Việt Nam chính thức xây dựng “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, coi đây là đường lối chiến lược nhất quán (Nguyễn Phú Trọng, 2003). Hiện nay các yếu tố cấu thành thị trường, như thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường lao động v.v. đang hình thành ngày càng rõ nét và đã phát huy tác dụng tích cực rõ. Quá trình dân chủ hoá đời sống kinh tế đã mang lại hiệu quả to lớn.

Dân chủ hoá và phát triển thị trường là hai yếu tố chủ yếu tạo nên đường lối đổi mới bắt đầu từ tháng 12/1986. Sau 17 năm thực hiện, bộ mặt đất nước đã có những thay đổi to lớn, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Cuộc điều tra mức sống nhân dân Tp. Hồ Chí Minh năm 1996 cho thấy 86,5 % số người trả lời cho biết mức sống của họ tốt hơn năm 1990 (Phạm Minh Hạc, 1994, 2003). Thu nhập quốc dân theo đầu người là 206 đô la Mỹ năm 1990, tăng lên 400 đô la Mỹ năm 2000. Báo cáo “Mục tiêu thiên niên kỷ: thu hẹp khoảng cách thiên niên kỷ” của Liên hiệp quốc công bố ngày 18 tháng 2, 2004 khẳng định rằng Việt Nam tiếp tục đạt được những kết quả đầy ấn tượng trong tiến trình tiến tới thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG), giảm tỷ lệ nghèo từ 70% giữa thập niên 80 xuống 60% vào năm 1990 và 29% vào năm 2002. Từ năm 1992 đến 2003, 20 triệu người thoát đói nghèo.

Là một chỉ số quan trọng về dân chủ, bình đẳng giới được thực hiện tích cực từ năm 1945 đến nay, kết quả là tỷ lệ biết chữ ở phụ nữ dưới 40 tuổi đạt được mức ấn tượng (94%), tỷ lệ nữ học sinh so với nam học sinh trong các trường trung học đã tăng từ 86% lên 93% trong giai đoạn 1993-1998, trong khi đó tỷ lệ này ở các trường đại học tăng từ 56% lên 80%, tỷ lệ nữ trong Quốc hội đạt khoảng 27%, đưa Việt Nam trở thành một trong những nước đứng đầu về chỉ số này. Chỉ số phát triển giới (GDI) của Việt Nam đạt 0,687, xếp 89/144 nước. Quá trình dân chủ hoá giáo dục cũng được thực hiện hết sức tích cực suốt từ 1945

đến nay, kết quả là từ 5% số người biết chữ năm 1945 lên 96% số người biết chữ năm 2003, số thanh thiếu niên (6-25 tuổi) biết chữ lên 96,7%, đã phổ cập tiểu học năm 2000, đang tiến hành phổ cập THCS, tổng số học sinh trung học so với độ tuổi từ 12 – 18 là 55,1% (Phạm Minh Hạc, 2001). Nhờ vậy, chỉ số phát triển con người của Việt Nam cũng có những tiến bộ đáng kể: năm 1990: 0,608, xếp thứ 56/130 nước; năm 2000: 0,671, xếp thứ 108/174 nước; năm 2003: 0,688, xếp thứ 109/175 nước. Việt Nam đang phấn đấu xếp hạng trung bình trên của thế giới về chỉ số HDI vào năm 2010.

Có thể khẳng định rằng những con số trên đây là kết quả của đường lối đổi mới, mở cửa, hội nhập, trong đó dân chủ hoá và thị trường hoá đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh những kết quả tích cực, Việt Nam đang phải đương đầu với những thách thức: khoảng cách giữa nhóm giàu và nhóm nghèo tăng từ 8 lên 20 lần, giữa các tỉnh thành khoảng 7 lần, giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, tình trạng bất bình đẳng về chi tiêu qua chỉ số Gini tăng dần (0,33 năm 1993, 0,35 năm 1998, và 0,37 năm 2002). Gini tính theo mức thu nhập là 0,42, theo mức chi tiêu cho các khoản phi lương thực: 0,49 (hệ số Gini bằng 0 thể hiện sự bình đẳng tuyệt đối, bằng 1 thể hiện sự bất bình đẳng tuyệt đối). Đường lối chung của Việt Nam là xây dựng đất nước văn minh, giàu có, một xã hội công bằng, dân chủ, nhà nhà người người hạnh phúc. Những số liệu thu được qua các cuộc điều tra giá trị, đặc biệt Điều tra Giá trị Thế giới đã nói lên thái độ của đa số người dân ủng hộ quá trình dân chủ hoá và thị trường hoá ở Việt Nam.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ TRỊ VỀ DÂN CHỦ VÀ THỊ TRƯỜNG

Từ năm 1991, Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX-07 “Con người - mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội” (1991-1995) đã tiến hành điều tra định hướng giá trị, hệ thống giá trị, thang giá trị. Trong năm 2001, Viện Nghiên cứu Con người đã tham gia Chương trình Điều tra Giá trị Thế giới (WVS), cuộc điều tra được tiến hành trên 96 nước và vùng lãnh thổ với việc sử dụng cùng một bộ công cụ. Kết quả bước đầu về cuộc điều tra

được các nhà nghiên cứu Việt Nam và Hoa Kỳ công bố tại Hội thảo quốc tế tổ chức tại Stellenbosch, Nam Phi tháng 10 năm 2001, được in trong Tạp chí *Xã hội học So sánh* (Dalton và những người khác, 2002) và Tạp chí *Nghiên cứu Con người* (Phạm Minh Hạc & Phạm Thành Nghị, 2002; 2003). Tiếp thu kết quả của Chương trình KX-07 và WVS 2001, Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX-05 (2001-2004) đã tiến hành điều tra định hướng giá trị năm 2003 trên 6 nhóm đối tượng. Viện Nghiên cứu Con người còn được lựa chọn là cơ quan tiến hành điều tra thái độ người dân về toàn cầu hoá ở Việt Nam hợp tác với Đại học Glasgow, Scotland.

Mục đích phần này là phân tích thái độ của người dân Việt Nam với dân chủ và thị trường và so sánh với thái độ của người dân các quốc gia khác ở Đông Á (Trung Quốc và Nhật Bản) và Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada). Số liệu minh hoạ lấy từ kết quả điều tra Giá trị thế giới tại Việt Nam và các nước khác trong đợt điều tra 2000-2001. Số liệu được Chương trình KX-05 thu thập cũng được sử dụng để minh hoạ cho những kết luận dựa trên Điều tra Giá trị Thế giới.

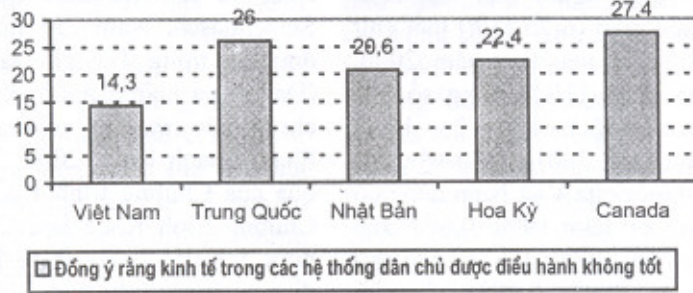
1. Thái độ người dân đối với dân chủ

Kết quả Điều tra Giá trị Thế giới 2001 cho thấy người dân Việt Nam đánh giá rất cao giá trị dân chủ. Họ ủng hộ hoàn toàn việc đưa thêm nội dung dân chủ vào mục tiêu phát triển đất nước, với 62,6% số người được hỏi hài lòng và 33,9% khá hài lòng. Hay nói cách khác là 96,5% số người trả lời rằng họ hài lòng với mục tiêu dân chủ của đất nước.

Nói về hệ thống chính trị trong thể chế dân chủ, nhiều người lo lắng về tính hiệu quả của các hoạt động kinh tế, sự quyết đoán của chính phủ hoặc sự yếu kém của trật tự xã hội. Tuy nhiên, người Việt Nam lại cho rằng họ khá tin vào tính hiệu quả của hoạt động kinh tế trong thể chế dân chủ, với chỉ có 14,35% số người trả lời khẳng định tính yếu kém của nền kinh tế trong thể chế dân chủ, số còn lại nghĩ ngược lại.

Tỷ lệ người trả lời ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada đồng ý rằng kinh tế trong thể chế dân chủ kém hiệu quả cao hơn chút đỉnh so với tỷ lệ này ở Việt Nam (Biểu đồ 1). Điều đó có nghĩa là người Việt Nam đánh giá kinh tế thị trường lạc quan hơn công dân các nước khác.

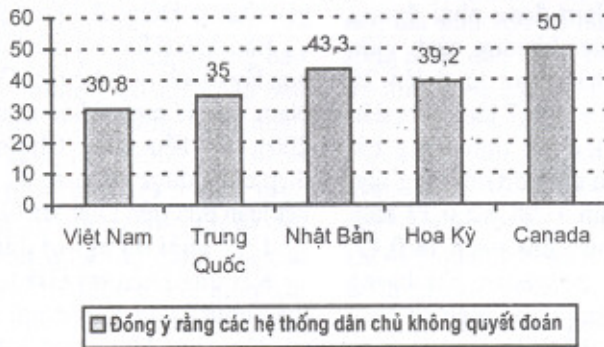
Biểu đồ 1. Thái độ đối với hiệu quả kinh tế trong thể chế dân chủ



Người Việt Nam có thái độ khá lạc quan về hệ thống dân chủ. Chỉ có 30,8% số người trả lời đồng ý rằng hệ thống dân chủ thiếu tính quyết đoán trong giải quyết các vấn đề xã hội. Trong khi đó, tỷ lệ người trả lời đồng ý theo

quan điểm này ở Đông Á (Trung Quốc và Nhật Bản) cao hơn nhiều so với ở Việt Nam. Ở Canada, 50% số người trả lời đồng ý rằng hệ thống dân chủ không quyết đoán trong giải quyết các vấn đề xã hội (Biểu đồ 2).

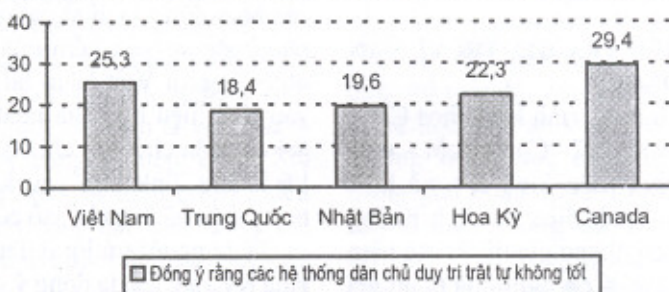
Biểu đồ 2. Thái độ với tính thiếu quyết đoán trong các hệ thống dân chủ



Khi bình luận về trật tự xã hội trong các nước dân chủ, chỉ một phần tư số người trả lời ở Việt Nam đồng ý rằng trật tự ở các hệ thống dân chủ không được duy trì tốt. Tỷ lệ này được ghi nhận ở Trung Quốc, Nhật Bản và

Hoa Kỳ thấp hơn ở Việt Nam và Canada (Biểu đồ 3). Điều đó có nghĩa là người Việt Nam cũng lạc quan về việc duy trì trật tự ở các hệ thống dân chủ, thấp hơn chút ít so với ở các nước khác, trừ Canada, trong so sánh này.

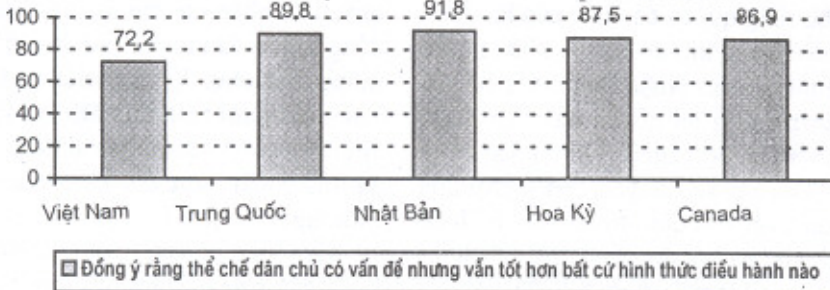
Biểu đồ 3. Thái độ với trật tự trong các hệ thống dân chủ



Khi đánh giá chung về cơ chế dân chủ, đại bộ phận người trả lời ở Việt Nam (72,2%) cho rằng dân chủ là hình thức điều hành tốt nhất.

Tỷ lệ những người đồng ý với quan điểm này ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada cao hơn nhiều so với Việt Nam (Biểu đồ 4).

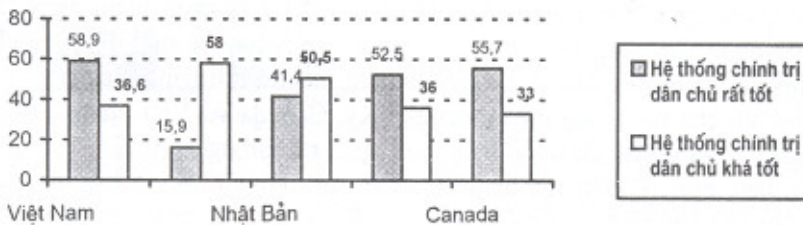
Biểu đồ 4. Thái độ về hình thức chính phủ tốt nhất



Khi bình luận về vai trò của hệ thống chính trị dân chủ, người trả lời ở các nước khác nhau có chung một quan điểm. Người Việt Nam đánh giá cao hệ thống dân chủ với 58,9% người trả lời cho rằng hệ thống chính trị dân

chủ rất tốt và 36,6% cho rằng khá tốt và chỉ có 4,5% nghĩ rằng hệ thống này hoạt động tồi hoặc rất tồi. Điều đó có nghĩa là, ở Việt Nam, 95,5% người trả lời hệ thống chính trị dân chủ có vai trò tích cực.

Biểu đồ 5. Thái độ đối với hệ thống chính trị dân chủ

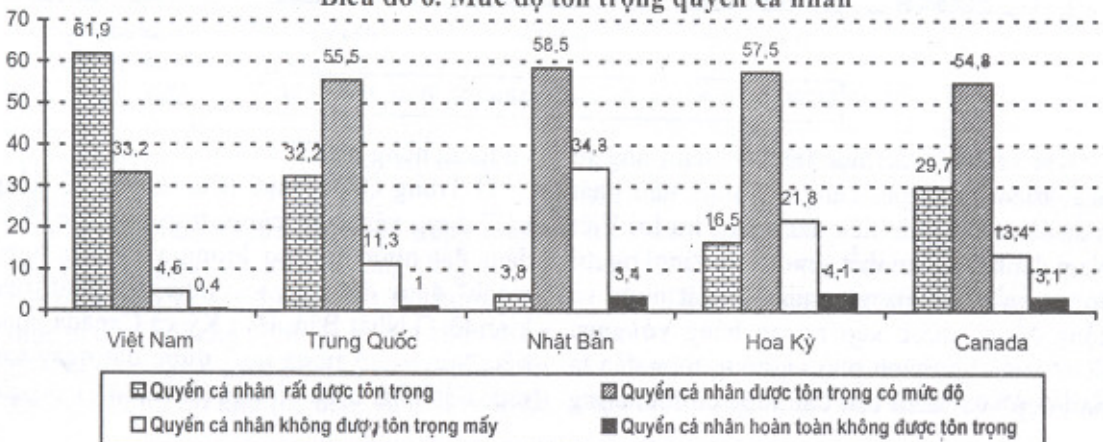


Người Trung Quốc đánh giá hệ thống chính trị dân chủ thấp hơn, chỉ có 73,9% người trả lời cho rằng hệ thống chính trị rất tốt hoặc khá tốt. Người Việt Nam (58,9%) cho rằng hệ thống chính trị dân chủ rất tốt nhiều hơn so với 15,9% người Trung Quốc chọn phương án này. Người Nhật, Mỹ và Canada đánh giá cao hệ thống chính trị dân chủ (Biểu đồ 5). Từ số liệu WVS, có thể nói rằng kỳ vọng dân chủ ở Việt Nam là khá cao so với những nước được chọn để so

sánh trong bài viết này.

Về việc tôn trọng quyền cá nhân, một chỉ số về nhân quyền, người trả lời ở Việt Nam cho rằng quyền cá nhân ở Việt Nam được tôn trọng trong xã hội. Theo bảng hỏi bốn bậc: tôn trọng nhiều, tôn trọng có mức độ, tôn trọng không nhiều, và không tôn trọng chút nào, đại bộ phận người trả lời ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada chọn "tôn trọng nhiều" và "tôn trọng có mức độ" (Biểu đồ 6).

Biểu đồ 6. Mức độ tôn trọng quyền cá nhân



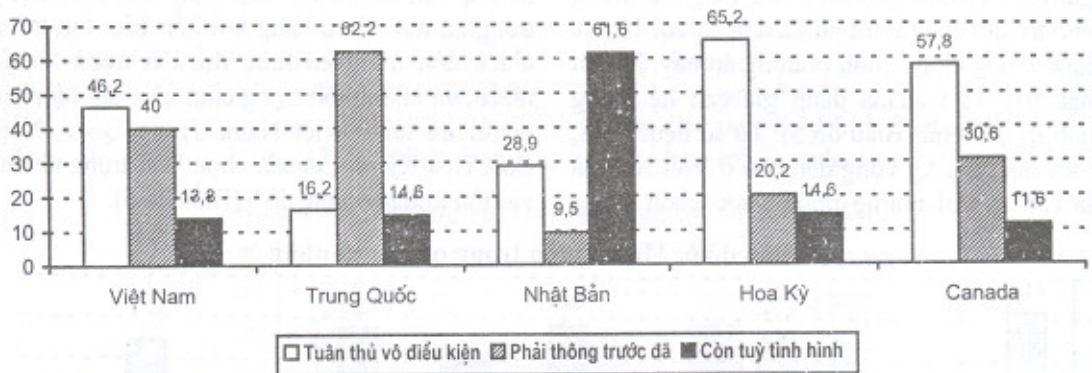
Trong Biểu đồ 6, đại bộ phận người trả lời ở Việt Nam cho rằng quyền cá nhân của họ được tôn trọng nhiều trong khi đó đại bộ phận người trả lời ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada chọn phương án quyền cá nhân được tôn trọng có mức độ. Điều đó nói lên rằng người Việt Nam tin vào quyền con người của họ được hoàn toàn bảo đảm trong thể chế hiện hành. Với chính câu hỏi đó, trong cuộc điều tra năm 2003 của Chương trình KX-05, 41,2% công nhân và nông dân trả lời (trong số 662 người) đồng ý rằng quyền cá nhân của họ được hoàn toàn tôn trọng; 49,3% người trả lời quyền của họ được tôn trọng một phần và 7,8% tuyên bố quyền của họ không được tôn trọng. Mặc dù con số này ít lạc quan hơn so với kết quả Điều tra Giá trị Thế giới 2001, ý kiến của người trả lời cũng rất cao, khẳng định quyền con người của họ về cơ bản được tôn trọng.

Để bảo đảm quyền tự do, dân chủ, xã hội nào cũng cần có cơ chế tôn trọng quyền công dân để mọi người có quyền tự do ngôn luận và chính phủ phải lắng nghe ý kiến của dân. Tuy nhiên, quyền dân chủ không được sử dụng nếu mọi người không ý thức được quyền cá nhân của mình. Điều này phụ thuộc vào ý thức, thái

độ và trách nhiệm của mọi công dân thực hành quyền cá nhân của mình. Văn hoá cũng có tác động to lớn đến thực thi quyền dân sự trong hệ thống dân chủ. Ví dụ, triết lý Khổng tử, đòi hỏi mọi người tuân thủ vô điều kiện cha mẹ và chính quyền. Nghe theo người lớn tuổi được xem là chuẩn mực đạo đức của văn hoá Đông Phương.

Khi được hỏi có tuân thủ vô điều kiện chỉ huân của cấp trên tại nơi làm việc không hay cần được thuyết phục trước đã, hay điều đó phụ thuộc vào hoàn cảnh, một tỷ lệ khá lớn (46,2%) người trả lời Việt Nam nói rằng họ tuân thủ vô điều kiện, 40% cho rằng họ cần được thuyết phục trước đã và chỉ 13,8% nói rằng quyết định của họ phụ thuộc vào tình hình cụ thể. Ở Hoa Kỳ và Canada, số người trả lời chọn việc chấp hành ngay là cao nhất. Sự khác biệt này về thái độ công chúng cho thấy chỉ huân ở nơi làm việc được tôn trọng ở Hoa Kỳ, Canada và Việt Nam. Trong khi đó, một tỷ lệ rất lớn người trả lời Trung Quốc muốn bị thuyết phục trước đã rồi mới nghe theo (Biểu đồ 7). Ở đây không tìm thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa những đặc điểm văn hoá và việc nghe theo chỉ huân tại nơi làm việc.

Biểu 7. Thái độ đối với chỉ huân ở nơi làm việc



Khi xem xét các mục tiêu ưu tiên trong sự phát triển quốc gia, cùng với mục tiêu phát triển kinh tế - mục tiêu mà người trả lời Việt Nam đánh giá cao nhất - mục tiêu "mọi người có quyền tham gia vào quản lý đất nước và cộng đồng" được xếp ngang hàng với mục tiêu "làm cho thành phố và nông thôn của ta tươi đẹp" và "đảm bảo đất nước có lực lượng

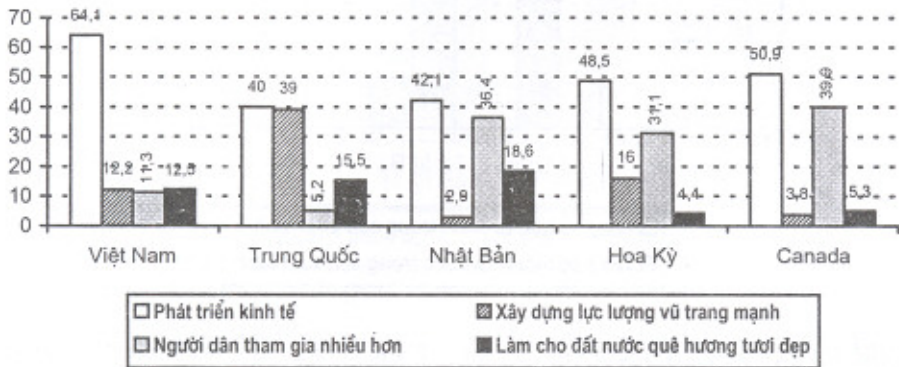
vũ trang hùng mạnh".

Ở Trung Quốc, mục tiêu "quyền có tiếng nói" được xếp cuối cùng, trong khi đó "bảo đảm đất nước có lực lượng vũ trang hùng mạnh" được đặt ngay sau mục tiêu phát triển kinh tế. Ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada, mục tiêu "quyền có tiếng nói" được đặt ngay sau mục tiêu phát triển kinh tế (Biểu đồ 8). Người

trả lời ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada đánh giá cao sự tăng cường tham gia của người dân vào quản lý xã hội, trong khi đó người Việt Nam và người Trung Quốc không đánh giá cao giá trị này. Khi xem xét thái độ theo mức thu nhập của các nhóm người, người trả lời có mức thu nhập cao và trung bình ở Việt Nam có thái độ giống với người trả lời ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada. “Phát triển kinh tế” được 73,1% số người có thu nhập cao và trung bình đặt ở vị trí đầu tiên; “quyền có

tiếng nói” được 15% số người có thu nhập cao và trung bình đặt ở vị trí đầu tiên; và “đất nước có lực lượng vũ trang hùng mạnh” chỉ được 7,2% số người này đặt ở vị trí đầu tiên. Những người có mức sống khá giả ở Việt Nam mong muốn có cơ hội tham gia vào việc ra quyết định ở nơi làm việc và tại cộng đồng nhiều hơn. Chúng ta có thể nói rằng cùng với sự nâng cao đời sống, mọi người sẽ ngày càng nhận ra quyền của mình trong tham gia vào việc ra quyết định.

Biểu đồ 8. Đánh giá mục tiêu quốc gia



Khi đánh giá tình hình đất nước, cuộc điều tra năm 2003 của Chương trình KX-05 chỉ rằng 68,4% công nhân và nông dân được hỏi (662 người) đồng ý rằng tình hình chính trị của đất nước ổn định, 28,1% đồng ý một phần và 3,5% người trả lời không có ý kiến. 92% người trả lời đồng ý rằng dân chủ được mở rộng đến tất cả các mặt của cuộc sống xã hội, 6,6% người trả lời không đồng ý và 1,4% không có ý kiến. Dân chủ có thể là thuật ngữ khá mềm dẻo (Dalton & Shin, 2004), nhưng không thể phủ nhận rằng tình hình được tạo ra do công cuộc đổi mới kinh tế từ cuối những năm 1980, ở đó người dân Việt Nam đang hài lòng với sự ổn định chính trị và công cuộc dân chủ hoá trong cuộc sống chính trị và xã hội của mình.

Với định hướng của đất nước trong tương lai, 86,1% người trả lời nói rằng tăng cường đổi mới kinh tế, ổn định chính trị, hướng tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn đúng đắn hiện nay của nước ta; 12,3% người trả lời không biết trả lời như thế nào, và một tỷ lệ rất

nhỏ (1,6%) nói rằng định hướng này không đúng cho đất nước trong tương lai.

Sự cải thiện tình hình kinh tế và xã hội của đất nước có tác động tích cực đến thái độ của người dân về hệ thống chính trị và sự hài lòng với thể chế hiện hành. Kết quả Điều tra Giá trị Thế giới 2001 chỉ ra rằng người Việt Nam đánh giá cao tình hình chính trị hiện nay so với 10 năm trước đây. 95,4% người trả lời cho rằng tình hình chính trị hiện tại là tốt và rất tốt, trong khi tình hình 10 năm trước đây nhận được sự đánh giá cao chỉ với 84% số người trả lời.

Tóm lại, kỳ vọng dân chủ cao ở người trả lời Việt Nam và sự hài lòng với quá trình dân chủ hoá đang được tiến hành là rất cao. Điều đó nói lên rằng dân chủ hoá ở Việt Nam đang được tiến hành dưới hình thức phù hợp với đặc điểm văn hoá, ý thức và kỳ vọng của người dân.

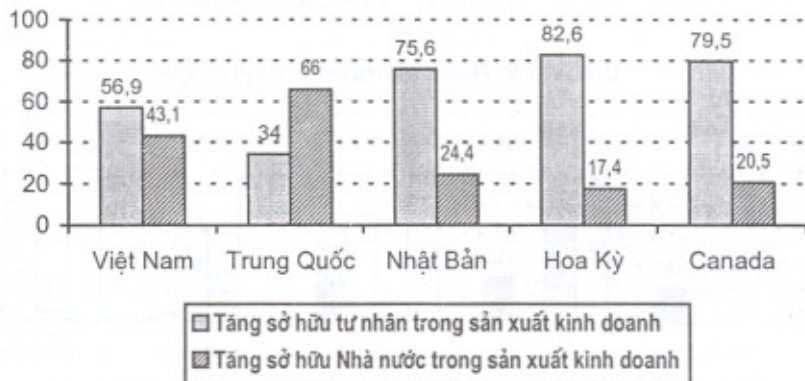
2. Thái độ của người dân đối với thị trường

Hơn một thập kỷ qua, cùng với việc mở cửa thị trường, Việt Nam đã tiến hành cải cách

kinh tế hướng tới kinh tế thị trường. Một mặt, điều đó đã đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng và tạo ra động lực mới cho phát triển, và mặt khác, điều đó cũng tạo ra khoảng cách ngày càng lớn giữa người giàu và người nghèo và đặt ra nhiều vấn đề xã hội. Do vậy, tồn tại hai xu hướng thái độ; một bảo vệ cho sự phát triển thị trường và một muốn duy trì sự

kiểm soát nền kinh tế của nhà nước. Kết quả điều tra giá trị ở Việt Nam từ năm 1993 cho thấy đại đa số người trả lời ủng hộ xu hướng thứ nhất. Xu thế củng cố cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng mạnh thêm, điều này được phản ánh trong thái độ không chỉ của người quản lý và giới học giả mà cả người dân bình thường.

Biểu đồ 9. Thái độ đối với sở hữu tư nhân

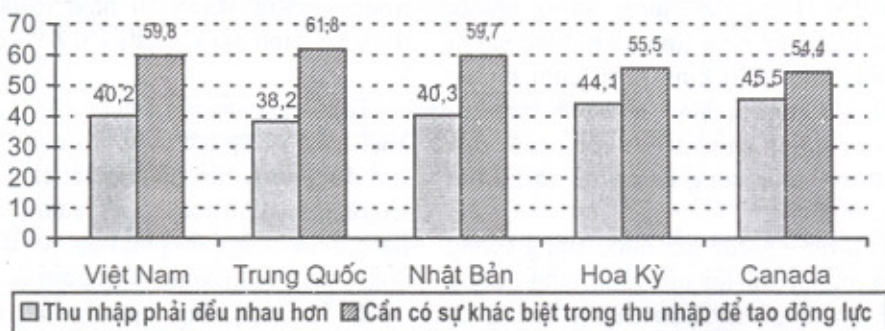


Do cơ chế thị trường chưa tác động đến xã hội lâu và mặc dù người dân Việt Nam và Trung Quốc thể hiện thái độ ủng hộ sở hữu tư nhân, xu thế này vẫn còn khá yếu so với ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada (Biểu đồ 9).

Thái độ đối với phân hoá thu nhập cũng phân tán. Hầu hết người trả lời ở Việt Nam tin rằng cần tăng thêm sự khác biệt trong thu nhập mới có thể tạo động lực làm việc. Người dân ở Việt

Nam, Trung Quốc và Nhật Bản muốn có sự khác biệt nhiều hơn về thu nhập, trong khi người dân Hoa Kỳ và Canada muốn có sự khác biệt ít hơn (Biểu đồ 10). Có sự khác biệt trong thái độ giữa người già và người trẻ ở Việt Nam về thu nhập. 69,3% người trả lời sinh sau 1975 ủng hộ hệ thống trả lương dựa trên sự cống hiến, trong khi đó chỉ có 58% người trả lời sinh trước 1975 ủng hộ hệ thống trả lương này.

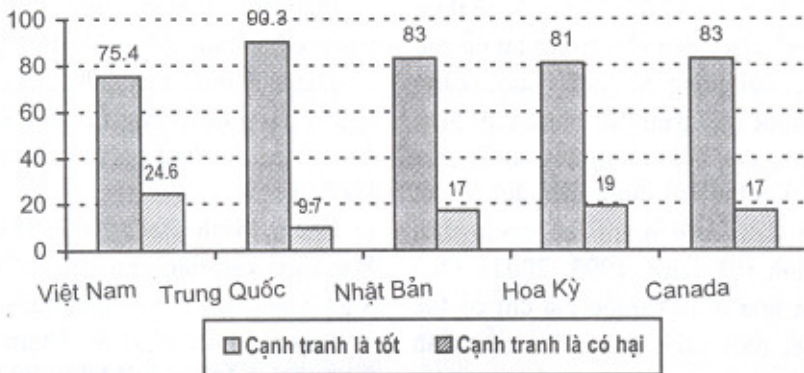
Biểu đồ 10. Thái độ đối với sự khác biệt về thu nhập



Một trong những đặc điểm của cơ chế thị trường là tự do cạnh tranh. Nhà nước cần can thiệp để tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, xoá bỏ độc quyền và thiết lập sự bình đẳng giữa các khu vực kinh tế. Thái độ dân chúng đối với vấn đề này có thể khác nhau khi lợi ích kinh tế của họ khác nhau, trong những khu

vực kinh tế khác nhau. Kết quả thu được trong Điều tra Giá trị Thế giới cho thấy người Việt Nam ủng hộ tự do cạnh tranh và cho rằng cạnh tranh là tốt (75,4%). Tuy nhiên, tỷ lệ này hãy còn thấp hơn so với Trung Quốc và các nước chọn để so sánh trong bài viết này có nền kinh tế thị trường đã chín muồi (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 11. Thái độ đối với cạnh tranh



Kết quả điều tra của Chương trình KX-05 trong năm 2003 cho thấy trong 339 công nhân được hỏi, 65,5% ủng hộ sự phân hoá thu nhập, những người còn lại ủng hộ sự phân bổ thu nhập đều hơn. Về mặt hình thức sở hữu, từ năm 1991, Việt Nam đã chấp nhận hình thức sở hữu tư nhân và các loại hình sở hữu phi xã hội chủ nghĩa khác và người dân cũng ủng hộ sự đa dạng hoá này ngày càng mạnh mẽ. Hiện tại, các doanh nghiệp nhà nước hãy còn đóng góp phần lớn nhất vào tăng trưởng kinh tế, điều này đã phản ánh vào thái độ người dân. 70,5% công nhân trả lời cho rằng sở hữu Nhà nước là quan trọng nhất, 11% đánh giá cao sở hữu tập thể và chỉ 18,5% công nhân ủng hộ sở hữu tư nhân. Tuy nhiên, có sự ủng hộ rất lớn cho sự chuyển đổi hình thức sở hữu từ Nhà nước sang công ty cổ phần như đã thấy trong Điều tra Giá trị Thế giới 2001.

Nhìn chung, mục tiêu chính của chính sách đổi mới thực thi từ năm 1986 ở Việt Nam là phát triển kinh tế thị trường và dân

chủ hoá xã hội. Trong quá trình đổi mới, còn nhiều ý kiến về mức độ chuyển đổi thị trường. Cũng có người cho rằng cần phải xem xét lại các vấn đề như tạo khác biệt trong thu nhập, bãi bỏ sự bảo hộ của Nhà nước đối với doanh nghiệp Nhà nước, tiếp tục giảm bớt sự can thiệp của chính phủ vào công việc sản xuất kinh doanh v.v. Kết quả của điều tra ý kiến người dân cho thấy họ ủng hộ rất mạnh mẽ dân chủ hoá xã hội và chuyển đổi nhanh hơn sang kinh tế thị trường, đánh giá cao tầm quan trọng của cạnh tranh lành mạnh. Sự phân bổ sản phẩm lao động, theo họ, sẽ là khuyến khích hơn nếu có sự phân hoá nhiều hơn trong thu nhập và điều đó sẽ tăng thêm động lực cho sự cố gắng cá nhân.

Về vấn đề dân chủ, bất cứ hình thức dân chủ nào thực thi ở một quốc gia sẽ là phù hợp nếu nó vì lợi ích của người dân. Mọi người đều đồng ý rằng dân chủ và quyền con người không thể đạt được đơn giản bằng cách thay đổi thể chế hay sự quản lý. Sự phát triển kinh tế là điều kiện quan trọng nhất cho việc áp

dụng dân chủ và thực thi quyền con người. Một quyền cơ bản của con người, theo chúng tôi, là quyền được sống trong một xã hội ổn định về chính trị. Sự hài lòng của người dân với cách thức chính phủ điều hành công việc có thể xem là chỉ số đánh giá sự phù hợp của nền dân chủ ở một quốc gia.

Cuộc cách mạng dân chủ trên toàn thế giới mà Việt Nam là một bộ phận, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế thực sự thúc đẩy mở rộng dân chủ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cuộc cách mạng này là một quá trình rất phức tạp, gian khổ với những cản trở và những cuộc đấu tranh lâu dài. Có thể nói rằng, dân chủ có thể xem như cái đẹp, mỗi người có cách nhìn riêng của mình (Shafritz, 1993, 2002). Quá trình dân chủ hoá ở một quốc gia chỉ có thể được xem xét một cách đúng đắn nếu tính đến những điều kiện cụ thể của quốc gia đó.

Tài liệu tham khảo

- Dalton R., Pham Minh Hạc, Pham Thanh Nghi & Nhu Ngoc T. Ong. 2003. Social Relations and Social Capital in Vietnam: The 2001 World Values Survey. *Comparative Sociology*, Vol. 1, No.3-4, pp. 369-386
- Dalton R, Doh Chull Shin. 2004. Citizens, Democracy and Markets around the Pacific Rim. Abstract of Paper read at the Conference on "Citizens, Democracy and Markets around the Pacific Rim" held in the East West Center, Honolulu, March 19-20, 2004.
- Đặng Xuân Kỳ. 2004. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Công tác Tư tưởng-Lý luận*, số 1/2004
- Huntington S. 1996. *The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order*. New York: Simon & Schuster.
- Kim Dae-jung. 2001. "Democracy, Market Economics, and Development": An Asian Perspective. World Bank.
- Nguyễn Phú Trọng. 1994. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Quan điểm và giải pháp phát triển, Trong *Chủ nghĩa Xã hội và Kinh tế thị trường: Kinh nghiệm của Trung Quốc, Kinh nghiệm của Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Phạm Minh Hạc. 1994. *Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới*, Hà Nội: KX-07.
- Phạm Minh Hạc. 2001. *Nghiên cứu Con người và Nguồn nhân lực đi vào Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc. 2003. Điều tra Giá trị: Đánh giá cao dân chủ và quyền con người ở Việt Nam, *Báo Nhân dân*, ngày 2 tháng 8.
- Phạm Minh Hạc & Phạm Thành Nghị. 2002. Định hướng giá trị trong thời kỳ quá độ từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường tại Việt Nam. *Tạp Chí Nghiên cứu Con người*, số 1 (1) 2002.
- Phạm Minh Hạc & Phạm Thành Nghị. 2003. Thái độ của người dân đối với dân chủ và thị trường qua Điều tra Giá trị Thế giới 2001. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 1 (4) 2003.
- Collins H. 1993. *Dictionary, American Government and Politics*. (In Vietnamese), Hanoi: Political Publishing House, 2003.
- Yun-han Chu, Yu-tzung Chang, Hu Fu. 2003. Regime Performance, Value Change and Authoritarian Detachment in Asia. Conference "How East Asian View Democracy" the Region in Global Perspective". Taiwan.
- United Nation Office in Vietnam. 2003. *Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ – Thu hẹp khoảng cách thiên niên kỷ*. Hà Nội, 11-2003.